

“HÌNH SỰ HÓA” VI PHẠM PHÁP LUẬT KINH TẾ, DÂN SỰ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

Hồ Thế Hòa *

Trong lý luận Luật Hình sự truyền thống, cùng với các khái niệm tội phạm hóa (Criminalisation); phi tội phạm hóa (Decriminalisation) và phi hình sự hóa (Depenalisation), hình sự hóa (Penalisation) đã trở thành một trong những khái niệm cơ bản để chỉ quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự.

Theo đó, tội phạm hóa là việc thông qua một hình thức văn bản nhất định, nhà lập pháp hình sự quy định những hành vi nào đó là tội phạm. Trong xã hội luôn có rất nhiều loại vi phạm pháp luật, tuy nhiên, không phải mọi vi phạm pháp luật đều bị coi là tội phạm và bị xử lý theo pháp luật hình sự. Một hành vi vi phạm pháp luật chỉ có thể bị nhà lập pháp hình sự coi là tội phạm khi có đủ các điều kiện khách quan và chủ quan. Mặt khác, để coi một hành vi là tội phạm hay không, nhà lập pháp hình sự còn phải xuất phát từ ý chí chủ quan của mình là có cần thiết phải xử lý vi phạm pháp luật nào đó bằng Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự hay không. Trong thực tế, việc tội phạm hóa hành vi này hay hành vi kia chưa hoàn toàn tạo được một cơ chế để xử lý tội phạm khác với cơ chế xử lý các vi phạm pháp luật khác, nếu không có việc quy định trách nhiệm hình sự tương ứng đối với tội phạm này hoặc tội phạm kia và kèm theo là các thủ tục tố tụng cần thiết. Việc quy định các biện pháp của trách nhiệm hình sự (hình phạt, xác định loại hình phạt, khung hình phạt, điều kiện quyết định hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với tội phạm này hay tội phạm kia)

được khoa học pháp lý hình sự gọi là hình sự hóa. Tội phạm hóa và hình sự hóa, do vậy, luôn là hai quá trình gắn chặt với nhau mà nhà lập pháp hình sự phải tiến hành đồng thời khi xây dựng và hoàn thiện Luật Hình sự. Sẽ là vô nghĩa nếu trong hoạt động lập pháp hình sự chỉ diễn ra quá trình tội phạm hóa (xác định những hành vi nào đó là tội phạm) mà không có quá trình hình sự hóa (quy định hình phạt, các biện pháp tư pháp đối với tội phạm tương ứng). Ngược lại, quá trình hình sự hóa cũng không thể diễn ra nếu không có căn cứ quan trọng nhất là việc xác định tội phạm - kết quả của quá trình tội phạm hóa.

Khác với quan niệm truyền thống của khoa học pháp lý hình sự mà tác giả đã trình bày trên đây, trong một thời gian dài, đặc biệt từ khi có Thông tư liên bộ số 10/TTLB ngày 25/10/1990 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Bộ Tư pháp và Trọng tài kinh tế nhà nước hướng dẫn xử lý một số vấn đề cấp bách về tín dụng, một hiện tượng xảy ra khá phổ biến là nhiều văn bản của các cơ quan Đảng và các cơ quan nhà nước (đặc biệt là của ngành công an, tòa án, viện kiểm sát) đề cập nhiều cụm từ khác nhau, như “hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự”; “hình sự hóa các giao dịch kinh tế, dân sự”; “hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự”...

Trong những năm qua, trong quá trình thực thi pháp luật xuất hiện tình trạng các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cả những trường hợp chỉ đơn thuần là vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự mà

* Giảng viên chính, Trường Đại học An ninh nhân dân.

lẽ ra chúng chỉ cần và phải giải quyết bằng các thủ tục tố tụng dân sự hay thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế thông thường. Theo thống kê của viện kiểm sát nhân dân 57 tỉnh, thành phố trong cả nước thì chỉ trong vòng 18 tháng (năm 2000 và quý I năm 2001), qua công tác kiểm sát phân loại, xử lý tin báo tội phạm đã phát hiện, chuyển xử lý dân sự, kinh tế 45 vụ vì không đủ cơ sở khởi tố hình sự, chiếm 1,36% án thụ lý thuộc các nhóm tội theo Bộ luật Hình sự 1985 như: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân; Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa... Tình trạng này tuy có xu hướng ngày càng giảm dần về số lượng song nó vẫn đang là vấn đề tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, để lại những hậu quả trên nhiều phương diện. Theo báo cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác của ngành kiểm sát nhân dân năm 2003 tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XI ngày 01/10/2003, thì trong năm 2003, tòa án các cấp đã xét xử và tuyên 40 bị cáo không phạm tội, trong đó có nhiều bị cáo đã bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về các tội chiếm đoạt tài sản.

Tình trạng hình sự hóa vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự của cơ quan tiến hành tố tụng là một trong những vấn đề có tính thời sự nóng bỏng, bức xúc trong đời sống xã hội. Ngày 31/3/1998, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 16/TTg về việc tìm kiếm các giải pháp chống hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế, chống oan, sai và bảo vệ hoạt động kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Ngày 4/7/1998, Ban Nội chính trung ương cũng đã có công văn số 170/CV báo cáo Bộ Chính trị về vấn đề này. Báo cáo đã nêu rõ: "Vấn đề hình sự hóa và cả phi hình sự hóa trong giải quyết các quan hệ kinh tế, dân sự của các cơ quan tố tụng hiện nay, các ngành nội chính cần có sự nghiên cứu toàn

diện, sâu sắc...". Trong năm 2000, Bộ Tư pháp và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phối hợp tổ chức hai cuộc hội thảo với chủ đề: "Hình sự hóa các tranh chấp kinh tế, dân sự" với sự tham gia của gần 1.000 chủ doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế và đại diện của nhiều cơ quan có thẩm quyền như: Văn phòng trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao... Ngày 30/10/2001, tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Bộ Công an tổ chức diễn đàn đối thoại giữa các doanh nghiệp với ngành Công an về chủ đề "Doanh nghiệp và lực lượng công an vì sự phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc". Tại diễn đàn này, vấn đề hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự nổi lên như một điều làm nhiều doanh nhân lo lắng nhất. Ngày 13/1/2004, Vụ Pháp luật dân sự, kinh tế, Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp và Học viện Cảnh sát nhân dân cũng đã tổ chức hội thảo với chủ đề: "Hình sự hóa" các tranh chấp kinh tế và "phi hình sự hóa" trong đấu tranh chống tội phạm kinh tế" nhằm nhận diện nguyên nhân, hậu quả và tìm giải pháp khắc phục tình trạng này. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng đã đề ra một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cải cách tư pháp là: "Khắc phục tình trạng hình sự hóa các quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự".

Bên cạnh đó, thời gian qua báo chí, dư luận xã hội, các nhà nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn cũng phản ánh, lên án gay gắt tình trạng này dưới nhiều thuật ngữ khác nhau. Các tác giả đều thống nhất cho rằng, hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự là hành vi của chủ thể có thẩm quyền áp dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự nhưng đã áp dụng sai, không đúng đối tượng điều chỉnh. Thực chất là các chủ thể có thẩm quyền đã sử dụng các quy

phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự. Việc sử dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự được hiểu là việc sử dụng cả các quy phạm luật nội dung lẫn các quy phạm luật thủ tục. Hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự vì thế là sự biến cải các quan hệ kinh tế, dân sự thành các quan hệ hình sự. Cũng có thể hiểu rằng, trong áp dụng pháp luật, hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự là quá trình chính thức hóa việc sử dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự. Với ý nghĩa như vậy, mọi hành vi hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự của cơ quan tiến hành tố tụng đều là hành vi bất hợp pháp. Hành vi này chỉ có thể được thực hiện trong lĩnh vực áp dụng pháp luật bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền¹. Nói cách khác, hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự là việc các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã lợi dụng quyền hạn của mình để xử lý bằng các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà bản chất đích thực của nó chỉ là vi phạm cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm nghĩa vụ dân sự phải được giải quyết theo trình tự, thủ tục của tố tụng kinh tế, dân sự².

Xét từ góc độ đòi hỏi ngày càng cao của nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa thì hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự trong hoạt động áp dụng pháp luật là không thể chấp nhận được, cần phải được đấu tranh

ngăn chặn, loại trừ. Rõ ràng, vấn đề hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự mà tác giả đề cập ở đây có bản chất khác hẳn với hoạt động hình sự hóa như là hệ quả tất yếu của hoạt động tội phạm hóa của nhà lập pháp hình sự. Hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự trong hoạt động áp dụng pháp luật bất luận do động cơ nào, nhằm mục đích gì và nguyên nhân từ đâu cũng luôn là hành vi cá nhân của người áp dụng pháp luật, hoàn toàn không thể hiện ý chí của Nhà nước, ý chí của nhà lập pháp hình sự.

Nghiên cứu tình trạng hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự, tác giả nhận thấy sai lầm phổ biến của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng thường được thể hiện dưới các dạng cụ thể như sau:

Một là, người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã nhầm lẫn giữa điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân (theo các Điều 134, 135, 157, 158 Bộ luật Hình sự 1985 hoặc Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 và Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung 2009) với điều kiện phải chịu trách nhiệm kinh tế, dân sự do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm nghĩa vụ dân sự; đặc biệt là nhầm lẫn giữa các dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay, mượn, thu tài sản. Nhiều người tiến hành tố tụng hình sự có quan niệm cho rằng, đến thời hạn thanh toán mà người có nghĩa vụ không trả được tài sản là có hành vi chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình xử lý tranh chấp, người tiến hành tố tụng đã không xem xét lý do hay nguyên nhân của việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, người vi phạm đã chiếm đoạt hay tài sản đó đã bị người thứ ba chiếm đoạt, chiếm dụng dẫn tới không có khả năng thanh toán đúng hạn. Trong nhiều trường hợp, cơ quan tiến hành tố

¹ Hồ Trọng Ngũ: Về vấn đề “hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự” trong thực tiễn pháp lý ở nước ta hiện nay, Tạp chí Công an nhân dân, số 2/2004, tr. 62-65.

² Phạm Hồng Hải - Nguyễn Văn Quảng: Về một tình trạng được gọi là “hình sự hóa các quan hệ dân sự và kinh tế” ở nước ta hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Tp. Hồ Chí Minh, năm 2003.

tụng và người tiến hành tố tụng đã không tìm kiếm các chứng cứ để chứng minh người có nghĩa vụ thanh toán có trốn tránh trách nhiệm thanh toán hay không; có trường hợp chỉ dựa vào lời khai của chủ nợ hoặc coi sự vắng mặt của người có nghĩa vụ thanh toán tại nơi thường trú để quy kết họ là bỏ trốn, trốn tránh trách nhiệm thanh toán và coi điều đó đồng nghĩa với hành vi chiếm đoạt tài sản.

Hai là, trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã không phân biệt các dấu hiệu tranh chấp nghĩa vụ từ hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế với việc lợi dụng hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế như một phương tiện để chiếm đoạt tài sản.

Ba là, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng coi hành vi không trả được hoặc chưa trả được nợ đồng nghĩa với hành vi chiếm đoạt tài sản, mặc dù không chứng minh hoặc không chứng minh được bị can, bị cáo có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản.

Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng có trách nhiệm xác định sự thật của vụ án theo quy định tại Điều 10 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Theo đó, “cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”³. Trong trường hợp này, vấn đề cốt lõi chính là việc cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định vì sao bị can, bị cáo chưa trả được nợ hoặc không trả được nợ; vì lý do khách quan hay

chủ quan; lý do chính đáng hay không chính đáng. Trong mọi trường hợp, cơ quan tiến hành tố tụng không được suy đoán một cách vô căn cứ để cho rằng bị can, bị cáo chưa trả được nợ hoặc không trả được nợ đều là chiếm đoạt tài sản và quy kết họ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Sai lầm cơ bản của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng dẫn đến hình sự hóa vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự là coi hành vi không trả được hoặc chưa trả được nợ theo cam kết đồng nghĩa với hành vi chiếm đoạt tài sản mà không phân biệt vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự với tội chiếm đoạt tài sản. Trong hoạt động tố tụng hình sự, cần nhận thức một cách đúng đắn rằng, nếu một người tuy có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế, dân sự không trả được nợ hoặc chậm trả nợ dù có khất nợ nhiều lần và tránh mặt chữ nợ nhưng vẫn thừa nhận các khoản nợ của mình và không bỏ trốn thì không được coi là chiếm đoạt tài sản để xử lý họ bằng biện pháp hình sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Đây cũng chính là quan điểm của nhiều tòa án khi giải quyết các vụ án hình sự dạng này.

Bốn là, theo quy định chung của pháp luật tố tụng, các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của các cơ quan tài phán có thẩm quyền phải được các đương sự nghiêm chỉnh thi hành, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động tố tụng hình sự, không ít trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự hóa các vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự cho dù trước đó đã có phán quyết có hiệu lực pháp luật của cơ quan tài phán có thẩm quyền.

Năm là, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng hình sự hóa các vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự mà chủ thể

³ Bộ luật Tố tụng Hình sự được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004.

vi phạm là pháp nhân chứ không phải là thể nhân.

Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam thì chủ thể của tội phạm chỉ có thể là người (thể nhân) có năng lực trách nhiệm hình sự, đến một độ tuổi nhất định chứ không thể là một tổ chức, pháp nhân. Tuy vậy, trong thực tiễn tố tụng hình sự vẫn xảy ra trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những chủ thể này.

Sáu là, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cho rằng người vay, mượn, nhận nợ rời khỏi nơi cư trú hợp pháp của mình là hành vi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản nên đã hình sự hóa các vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự. Đây là một dạng vi phạm khá phổ biến trong quá trình tiến hành tố tụng đối với các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Bảy là, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự người có vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng kinh tế, dân sự khi không xác minh, cân đối lại công nợ mà chỉ tin vào lời tố giác của một bên đương sự trong giao dịch kinh tế, dân sự; không xem xét kỹ mối tương quan giữa vốn vay và trị giá tài sản thế chấp mà chỉ xem xét giá trị tài sản khi định giá.

Xét về khía cạnh pháp lý thì đây là một sai lầm của các cơ quan tiến hành tố tụng, bởi lẽ trong nền kinh tế thị trường, các doanh nhân, doanh nghiệp khi thế chấp tài sản hợp pháp của mình để vay vốn kinh doanh, sản xuất chỉ có thể biết được giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp, không thể tiên đoán được sự biến động giá trong tương lai. Đây là vấn đề mà Luật Hình sự cũng không đặt ra nghĩa vụ buộc phải biết trước. Mặc dù vậy, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, cơ quan

tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong nhiều trường hợp đã coi nhẹ vấn đề này và chỉ quan tâm đến giá trị tài sản đã thế chấp tại thời điểm xử lý vụ việc mà không xem xét giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp. Khảo sát 52 vụ vi phạm nghĩa vụ phát sinh từ quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự mà cơ quan tiến hành tố tụng đã xử lý bằng biện pháp hình sự, có đến 31 vụ (chiếm 59,61%) cơ quan tiến hành tố tụng vội vàng truy cứu trách nhiệm hình sự khi chưa có sự cân đối giữa vốn vay và số tiền mà người khác đang nợ bị can, bị cáo.

Tám là, cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã hình sự hóa vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự trường hợp người dùng một tài sản thế chấp nhiều nơi để vay tiền, mặc dù tài sản thế chấp có giá trị cao hơn số nợ mà người đó có nghĩa vụ thanh toán.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong giao lưu kinh tế, dân sự, người có sở hữu hợp pháp về tài sản có quyền định đoạt tài sản đó, trong đó có quyền thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền. Mặc dù vậy, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, người tiến hành tố tụng thường gặp vướng mắc, lúng túng trong việc nhận định, đánh giá hành vi của người thế chấp một tài sản tại nhiều nơi để vay vốn.

Là một hiện tượng tiêu cực gây ra hậu quả xấu về nhiều mặt trong đời sống xã hội, hình sự hóa các vi phạm pháp luật kinh tế, dân sự biểu hiện cụ thể rất đa dạng trong thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng. Từ những biểu hiện đó chúng ta phải nhận diện rõ ranh giới giữa hình sự hóa trong hoạt động xây dựng pháp luật hình sự vốn là chức năng của nhà lập pháp hình sự với hình sự hóa trong thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng.